

NỘI DUNG ĐỀ CƯƠNG

A. PHÂN MÔN HÓA HỌC

* MUỐI

- Khái niệm, gọi tên, tính chất hóa học, điều chế muối.
- Viết PTHH của muối.
- Bài tập tính theo PTHH

* TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Chất nào sau đây thuộc loại muối?

- A. $\text{Ca}(\text{OH})_2$. B. Fe_2O_3 . C. H_2SO_4 . D. CaCl_2 .

Câu 2. Cho dãy các chất: KCl , $\text{Cu}(\text{OH})_2$, BaO , MgCO_3 , ZnCl_2 , KOH , CuSO_4 , NH_4NO_3 .
Số lượng muối có trong dãy là

- A. 3. B. 4. C. 5. D. 6.

Câu 3. Hợp chất Na_2SO_4 có tên gọi là

- A. sodium sulfate. B. sodium sulfite.
C. potassium sulfate. D. sodium sulfuric.

Câu 4. Muối nào sau đây tan tốt trong nước?

- A. KCl . B. BaCO_3 . C. CaCO_3 . D. AgCl .

Câu 5. Muối nào sau đây không tan trong nước?

- A. KCl . B. BaSO_4 . C. NaCl . D. KNO_3 .

Câu 6. Phản ứng nào sau đây tạo ra hai muối mới?

- A. Dung dịch muối tác dụng với acid.
B. Kim loại tác dụng với dung dịch muối.
C. Dung dịch muối tác dụng với dung dịch base.
D. Dung dịch muối tác dụng với dung dịch muối.

Câu 7. Hợp chất nào sau đây **không** phải là muối?

- A. Calcium hydroxide. B. Sodium sulfite.
C. Calcium sulfite. D. Sodium sulfate.

Câu 10. Công thức của copper(II) sulfate là

- A. CuS . B. CuSO_4 . C. CaSO_4 . D. CoSO_4 .

Câu 12. Dãy chất nào sau đây chỉ gồm các muối?

- A. MgCl_2 ; Na_2SO_4 ; KNO_3 . B. Na_2CO_3 ; H_2SO_4 ; $\text{Ba}(\text{OH})_2$.
C. CaSO_4 ; HCl ; MgCO_3 . D. H_2O ; Na_3PO_4 ; KOH .

Câu 13. Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống cho khái niệm sau: "Muối là hợp chất được hình thành từ sự thay thế... của acid bằng...hoặc ion ... (NH_4^+)"

- A. ion H^+ , ion kim loại, ammonium. B. ion kim loại, ion H^+ , ammonium.
C. ammonium, ion H^+ , ion kim loại. D. ion H^+ , ion kim loại, ion OH^- .

Câu 14. Muối của kim loại được gọi tên theo quy tắc sau:

A.Tên muối: Tên kim loại (thêm hóa trị, đối với kim loại nhiều hóa trị) + tên gốc acid.

B.Tên muối: Tên kim loại (đối với tất cả kim loại) + tên gốc acid.

C.Tên muối: Tên kim loại (thêm hóa trị, đối với kim loại nhiều hóa trị) + hydroxide.

D.Tên muối: Tên nguyên tố + tên gốc acid.

Câu 15. *Xác định đúng hay sai trong các câu sau.*

Nội dung	Đúng	Sai
1.Cho các chất: NaCl, KOH, HCl, CaCO ₃ , Na ₂ SO ₄ , CaO, Ca(OH) ₂ . Số muối trong các chất trên là 5.		
2. Công thức hóa học của sodium nitrate là NaCl.		
3. CaCO ₃ có tên gọi hóa học là calcium carbonate.		
4. Cho các muối: NaCl, KNO ₃ , AgCl, BaCO ₃ , CaSO ₄ . Số muối tan trong nước là 3.		
5. Cho PTHH. BaCO ₃ + 2HCl → BaCl ₂ + Y + H ₂ O. Chất Y là H ₂		
6. Cho PTHH. MgCl ₂ + 2KOH → Mg(OH) ₂ + 2X X là KCl		

*** Tự luận**

Câu 1. Gọi tên các muối sau:

NaCl	CaCO ₃	FeCl ₃
KNO ₃	NH ₄ NO ₃	CuSO ₄
MgCl ₂	KHCO ₃	Na ₃ PO ₄

Câu 2. Viết PTHH sau

Fe + CuSO ₄	Cu + AgNO ₃
CuCl ₂ + KOH	FeSO ₄ + NaOH
BaCl ₂ + Na ₂ SO ₄	AgNO ₃ + KCl
CaCO ₃ + HCl	BaCl ₂ + H ₂ SO ₄

Câu 3.

I. Cho 300ml dung dịch NaOH 1M tác dụng vừa đủ với dung dịch MgCl₂. Tính khối lượng base thu được sau phản ứng? (Mg = 24, O = 16, H =1)

.....

.....

.....

II. Cho 200g dung dịch KOH 5,6% vào dung dịch CuCl₂ dư. Tính khối lượng base thu được sau phản ứng? (K = 39,Cu = 64)

.....

.....

.....

.....

B. PHÂN MÔN VẬT LÝ

NỘI DUNG:

*ĐIỆN

- Cường độ dòng điện và hiệu điện thế

*NHIỆT

- Năng lượng nhiệt và nội năng

- Đo năng lượng nhiệt

- Sự Truyền nhiệt

TRẮC NGHIỆM

1. Dẫn nhiệt là hình thức truyền nhiệt có thể xảy ra

A. ở cả chất lỏng, chất rắn, chất khí.

B. chỉ ở chất rắn.

C. chỉ ở chất lỏng.

D. chỉ ở chất lỏng và chất rắn.

2. Đối lưu là hình thức truyền nhiệt có thể xảy ra

A. ở cả chất lỏng, chất rắn, chất khí.

B. chỉ ở chất khí và chất lỏng.

C. chỉ ở chất lỏng.

D. chỉ ở chất khí.

3. Hình thức truyền nhiệt trong chân không là

A. bức xạ nhiệt.

B. dẫn nhiệt.

C. đối lưu.

D. đối lưu và bức xạ nhiệt.

4. Khí, hơi nào sau đây trong khí gây hiệu ứng nhà kính mạnh nhất?

A. Khí nitrogen (N_2).

B. Khí trơ argon (Ar).

C. Khí carbon dioxide (CO_2).

D. Hơi nước (H_2O).

5. Nhận định nào sau đây là **sai**?

A. Năng lượng nhiệt là năng lượng vật có được do chuyển động nhiệt.

B. Nội năng của một vật là tổng động năng và thế năng của các phân tử, nguyên tử cấu tạo nên vật.

C. Khi một vật được làm nóng, các phân tử, nguyên tử của vật chuyển động nhanh lên và nội năng của vật tăng.

D. Nhiệt năng là tổng thế năng của các phân tử cấu tạo nên vật.

6. Khi thả một thỏi sắt đã được nung nóng vào một thùng nước lạnh thì nội năng của thỏi sắt và của nước trong thùng thay đổi thế nào?

A. Nội năng của thỏi sắt và của nước đều tăng.

B. Nội năng của thỏi sắt và của nước đều giảm.

C. Nội năng của thỏi sắt giảm, nội năng của nước tăng.

D. Nội năng của thỏi sắt tăng, nội năng của nước giảm.

7. Khi nói về hiệu ứng nhà kính khí quyển, phát biểu nào sau đây là **sai**?

A. Hiệu ứng nhà kính khí quyển luôn có hại đối với sự sống trên Trái Đất.

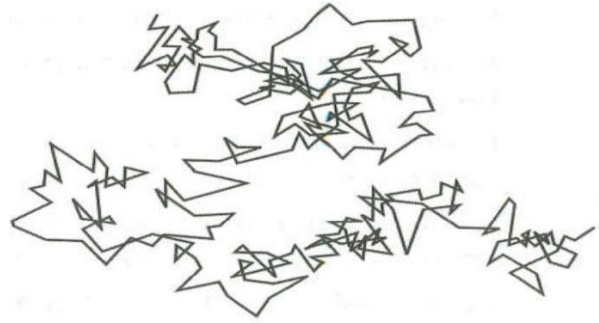
B. Bầu khí quyển chứa nhiều khí carbon dioxide đóng vai trò như mái kính của nhà kính làm cho mặt đất và không khí trên toàn bộ Trái Đất nóng lên.

C. Hiệu ứng nhà kính khí quyển gây ra sự nóng lên của khí hậu toàn cầu.

D. Hiệu ứng nhà kính khí quyển là một trong những nguyên nhân làm tan băng ở hai địa cực của Trái Đất.

8. Hạt phấn hoa chuyển động không ngừng trong nước về mọi phía trong chuyển động Brown (hình bên) là do:

- A. Các phân tử nước chuyển động hỗn độn không ngừng va chạm vào các hạt phấn hoa.
- B. Phân tử phấn hoa chuyển động hỗn độn không ngừng.
- C. Nguyên tử phấn hoa chuyển động hỗn độn không ngừng.
- D. Các nguyên tử, phân tử phấn hoa và phân tử nước chuyển động hỗn độn không ngừng



9. Dùng lửa hơ một đầu chiếc thìa nhôm, đầu còn lại sẽ

- A. có cùng nhiệt độ với đầu bị hơ lửa.
- B. nóng lên sau một thời gian.
- C. nóng lên ngay lập tức.
- D. không thay đổi nhiệt độ sau một thời gian.

10. Có ba chiếc bát làm bằng các vật liệu khác nhau: sứ, thủy tinh, nhôm. Sau khi xới cơm vào ba chiếc bát, cầm vào vỏ bát nào sẽ thấy nóng nhất?

- A. Bát nhôm.
- B. Bát thủy tinh.
- C. Bát sứ.
- D. Cả ba bát nóng như nhau.

11. Chảo được làm bằng kim loại còn cán chảo được làm bằng gỗ hoặc nhựa như hình bên là vì

- A. kim loại dẫn nhiệt kém, như thế sẽ không làm cháy thức ăn.
- B. kim loại dẫn nhiệt kém, như thế sẽ không làm nóng ra tay cầm.
- C. kim loại dẫn nhiệt tốt, nhanh chín thức ăn, gỗ hoặc nhựa cách nhiệt tốt không làm nóng tay cầm.
- D. kim loại có ánh kim, làm chảo có tính thẩm mỹ cao.



12. Đại lượng nào dưới đây của vật rắn không thay đổi, khi chuyển động nhiệt của các phân tử cấu tạo nên vật thay đổi?

- A. Nội năng của vật.
- B. Thể tích của vật.
- C. Nhiệt độ của vật.
- D. Khối lượng của vật.

13. Một người đứng gần bếp lò, cảm thấy nóng. Nhiệt truyền từ bếp lò đến người này chủ yếu bằng hình thức:

- A. Dẫn nhiệt.
- B. Bức xạ nhiệt.
- C. Đối lưu.
- D. Đối lưu và dẫn nhiệt.

14. Đơn vị cường độ dòng điện là:

- A. Vôn (V)
- B. Ampe (A)
- C. Niu tơn
- D. Kg.

15. Nguồn điện tạo ra giữa hai cực của nó một

- A. hiệu điện thế.
- B. cường độ dòng điện.
- C. lực điện.
- D. vôn.

16. Khoanh vào từ Đúng hoặc Sai với các phát biểu dưới đây.

Phát biểu	Đánh giá	
1. Các phân tử, nguyên tử chuyển động càng nhanh thì nhiệt độ của vật càng cao.	Đúng	Sai
2. Giữa các phân tử, nguyên tử không có lực tương tác.	Đúng	Sai

3. Chà xát đồng xu vào mặt bàn là cách truyền nhiệt bằng đối lưu	Đúng	Sai
4. Giữa các phân tử, nguyên tử có khoảng cách.	Đúng	Sai
5. Các phân tử, nguyên tử trong chất rắn không bao giờ chuyển động.	Đúng	Sai
6. Bức xạ nhiệt là sự truyền năng lượng thông qua tia nhiệt	Đúng	Sai

TỰ LUẬN

1. Tại sao về mùa đông, đi trên sàn nhà lát gạch men lại thấy chân bị lạnh hơn phòng lát gỗ?
2. Vì sao khi đun nóng các chất lỏng lại cần đun từ phía dưới?
3. Vì sao khi đi trên sa mạc, các nhà lữ hành thường quấn quanh mình những chiếc áo to và dài như hình bên?
4. Cho hai vật truyền nhiệt cho nhau, liệu nhiệt độ hai vật có bằng nhau sau một khoảng thời gian hay không? Giải thích
5. Biết 1 kg nước nhận thêm nhiệt năng 4200 J thì nóng lên thêm 1°C .
Hỏi nếu truyền 151200 J cho 2 kg nước thì nước sẽ nóng lên thêm bao nhiêu độ?
6. Biết 1 kg rượu nhận thêm nhiệt năng 2500 J thì nóng lên thêm 1°C . Hỏi muốn 3 kg rượu tăng thêm 20°C thì cần phải truyền cho nó một nhiệt năng bằng bao nhiêu?



C. PHÂN MÔN SINH HỌC

PHẦN I

Câu 1: Quần thể là

- A. tập hợp những cá thể cùng loài, giống nhau về hình thái, cấu tạo; có thể giao phối tự do với nhau.
- B. tập hợp những cá thể khác loài nhưng có cùng khu phân bố.
- C. tập hợp những cá thể cùng loài, có mật độ, thành phần kiểu gen đặc trưng.
- D. tập hợp những cá thể cùng loài, sống trong một ổ sinh thái, tại một thời điểm nhất định

Câu 2: Nhóm tuổi sinh sản có ý nghĩa

- A. làm tăng trưởng khối lượng và kích thước của quần thể.
- B. quyết định mức sinh sản của quần thể.
- C. không ảnh hưởng đến sự phát triển của quần thể.
- D. làm cho kích thước quần thể giảm sút.

Câu 3: Quần thể không có đặc điểm là

- A. tồn tại trong một giai đoạn lịch sử xác định.
- B. mỗi quần thể có khu phân bố xác định.
- C. có thể không có sự giao phối với quần thể khác dù cùng loài.
- D. luôn luôn xảy ra giao phối tự do.

Câu 4: Cho các phát biểu sau:

1. Ngỗng và vịt có tỉ lệ đực/cái là 40/60.
2. Quần thể được đặc trưng bởi: tỉ lệ giới tính, thành phần nhóm tuổi và mật độ quần thể.
3. Số lượng cá thể trong quần thể không bị thay đổi trước các điều kiện của môi trường.

4. Nhóm tuổi trước sinh sản có vai trò chủ yếu làm tăng trưởng khối lượng và kích thước của quần thể.

Trong các phát biểu trên, số phát biểu đúng là

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 5: Ví dụ nào sau đây không phải là quần thể sinh vật?

- A. Rừng tre phân bố tại Vườn Quốc gia Cúc Phương, Ninh Bình.
B. Tập hợp cá rô phi sống trong một cái ao.
C. Các cá thể chuột đồng sống trên một đồng lúa. Các cá thể chuột đực và cái có khả năng giao phối với nhau sinh ra chuột con.
D. Cá chép, cá mè cùng sống chung trong một bể cá.

Câu 6: Mật độ của quần thể được xác định bằng số lượng cá thể sinh vật có ở

- A. một khu vực nhất định. B. một khoảng không gian rộng lớn.
C. một đơn vị diện tích. D. một đơn vị diện tích hay thể tích.

Câu 7: Tập hợp sinh vật dưới đây không phải là quần thể sinh vật tự nhiên?

- A. Các cây thông mọc tự nhiên trên một đồi thông.
B. Các con lợn nuôi trong một trại chăn nuôi.
C. Các con sói trong một khu rừng.
D. Các con ong mật trong tổ.

Câu 8: Ví dụ nào sau đây là quần thể sinh vật?

- A. Tập hợp các cá thể chim sẻ sống ở 3 hòn đảo khác nhau.
B. Tập hợp cá rô phi đực cùng sống trong một ao.
C. Rừng cây thông nhựa phân bố tại vùng núi Đông Bắc Việt Nam.
D. Tập hợp các cá thể cá chép, cá mè sống chung trong một ao.

Câu 9: Mật độ của quần thể được xác định bằng số lượng cá thể sinh vật có ở

- A. một khu vực nhất định. B. một khoảng không gian rộng lớn.
C. một đơn vị diện tích. D. một đơn vị diện tích hay thể tích.

Câu 10: Dấu hiệu không phải là đặc trưng của quần thể là

- A. mật độ. B. tỉ lệ giới tính.
C. cấu trúc tuổi. D. độ đa dạng loài.

Câu 11: Phát biểu nào sau đây là không đúng với tháp tuổi dạng phát triển?

- A. Đáy tháp rộng.
B. Số lượng cá thể trong quần thể ổn định.
C. Số lượng cá thể trong quần thể tăng mạnh.
D. Tỉ lệ sinh cao.

Câu 12: Trong quần thể, tỉ lệ giới tính cho ta biết điều gì?

- A. Tiềm năng sinh sản của loài. B. Giới tính nào được sinh ra nhiều hơn.
C. Giới tính nào có tuổi thọ cao hơn. D. Giới tính nào có tuổi thọ thấp hơn.

Câu 13: Quần xã sinh vật là

- A. tập hợp các sinh vật cùng loài. B. tập hợp các cá thể sinh vật khác loài.
C. tập hợp các quần thể sinh vật khác loài. D. tập hợp toàn bộ các sinh vật trong tự nhiên.

Câu 14: Tập hợp nào sau đây không phải là quần xã sinh vật?

- A. Tập hợp những loài sinh vật sống trong một khu rừng.
B. Tập hợp những loài sinh vật sống trong một hồ tự nhiên.
C. Tập hợp những con chuột trong một đàn chuột đồng.
D. Tập hợp những con cá sống trong một ao cá.

Câu 15: Đặc điểm nào có ở quần xã mà không có ở quần thể sinh vật?

- A. Có số cá thể cùng một loài.
B. Cùng phân bố trong một khoảng không gian xác định.

C. Tập hợp các quần thể thuộc nhiều loài sinh vật.

D. Xảy ra hiện tượng giao phối và sinh sản.

Câu 16: Quần xã nào sau đây có độ đa dạng cao nhất?

A. Quần xã sinh vật rừng thông phương Bắc.

B. Quần xã sinh vật rừng mưa nhiệt đới.

C. Quần xã sinh vật savan.

D. Quần xã sinh vật rừng lá rộng ôn đới.

Câu 17: Những nhân tố sinh thái nào ảnh hưởng tới quần xã, tạo nên sự thay đổi?

A. Nhân tố sinh thái vô sinh.

B. Nhân tố sinh thái hữu sinh.

C. Nhân tố sinh thái vô sinh và hữu sinh.

D. Nhân tố ánh sáng, nhiệt độ, con người.

Câu 18: Quần xã sinh vật có những dấu hiệu điển hình nào?

A. Số lượng các loài trong quần xã.

B. Thành phần loài trong quần xã.

C. Số lượng các cá thể của từng loài trong quần xã.

D. Số lượng và thành phần loài trong quần xã.

Câu 19: Trong quần xã rừng U Minh, cây tràm được coi là loài

A. ưu thế.

B. đặc trưng.

C. tiên phong.

D. ổn định.

Câu 20: Loài đặc trưng là

A. loài có số lượng ít nhất trong quần xã.

B. loài có số lượng nhiều trong quần xã.

C. loài chỉ có ở một quần xã hoặc có nhiều hơn hẳn các loài khác.

D. loài có vai trò quan trọng trong quần xã.

Câu 21: Ví dụ nào sau đây được coi là một quần xã sinh vật?

A. Cây sống trong một khu vườn.

B. Cá rô phi sống trong một cái ao.

C. Rắn hổ mang sống trên 3 hòn đảo khác nhau.

D. Rừng cây thông nhựa phân bố tại vùng núi Đông Bắc Việt Nam.

Câu 22: Số lượng các loài trong quần xã thể hiện ở chỉ số nào sau đây?

A. Độ nhiều, độ đa dạng, độ tập trung.

B. Độ đa dạng, độ thường gặp, độ tập trung.

C. Độ thường gặp, độ nhiều, độ tập trung.

D. Độ đa dạng, độ thường gặp, độ nhiều.

Câu 23: Trong quần xã loài ưu thế là loài

A. có số lượng ít nhất trong quần xã.

B. có số lượng nhiều trong quần xã.

C. phân bố nhiều nơi trong quần xã.

D. có vai trò quan trọng trong quần xã.

Câu 24: Độ đa dạng của quần xã sinh vật được thể hiện ở

A. mật độ của các nhóm cá thể trong quần xã.

B. mức độ phong phú về số lượng loài trong quần xã.

C. sự khác nhau về lứa tuổi của các cá thể trong quần xã.

D. biến động về mật độ cá thể trong quần xã.

Câu 25: Hệ thống gồm quần xã và môi trường vô sinh của nó tương tác thành một thể thống nhất được gọi là

A. tập hợp quần xã.

B. hệ quần thể.

C. hệ sinh thái.

D. sinh cảnh.

Câu 26: Các chuỗi thức ăn trong hệ sinh thái đều bắt đầu từ

A. sinh vật sản xuất.

B. sinh vật tiêu thụ.

C. sinh vật phân giải.

D. con người.

Câu 27: Sinh vật nào sau đây luôn luôn là mắt xích chung trong các chuỗi thức ăn?

A. Cây xanh và động vật ăn thịt.

B. Cây xanh và sinh vật tiêu thụ.

C. Động vật ăn thịt, vi khuẩn và nấm.

D. Cây xanh, vi khuẩn và nấm.

Câu 28: Ví dụ nào sau đây có thể minh họa cho một hệ sinh thái?

A. Một hồ với rong, tảo, động vật, vi khuẩn,... cùng mọi vật chất và yếu tố khí hậu liên quan.

B. Một khu rừng có thảm cỏ, cây, sâu bọ, chim chóc và thú, nấm, vi sinh vật,... ở đó.

C. Một cái hồ nhưng không tính các sinh vật, chỉ kể các nhân tố vô cơ (nước, khoáng, khí, nhiệt độ,...).

D. Sinh vật và môi trường sống, miễn là chúng tạo thành một thể thống nhất.

Câu 29: Nhận định nào sau đây sai về hệ sinh thái?

A. Một hệ sinh thái hoàn chỉnh chỉ có các thành phần gồm sinh vật tiêu thụ và sinh vật sản xuất.

B. Hệ sinh thái là một hệ thống hoàn chỉnh và tương đối ổn định.

C. Hệ sinh thái trên cạn, hệ sinh thái nước mặn và hệ sinh thái nước ngọt là ba nhóm hệ sinh thái chính.

D. Hoang mạc là một hệ sinh thái trên cạn.

Câu 30: Lưới thức ăn gồm

A. một chuỗi thức ăn.

B. nhiều loài sinh vật có quan hệ dinh dưỡng với nhau.

C. các chuỗi thức ăn có nhiều mắt xích chung.

D. ít nhất là 1 chuỗi thức ăn trở lên.

Câu 31: Hệ sinh thái cạn có độ đa dạng cao nhất là

A. savan.

B. taiga.

C. rừng nhiệt đới.

D. rừng ngập mặn.

Câu 32: Một lưới thức ăn hoàn chỉnh gồm

A. sinh vật sản xuất.

B. sinh vật tiêu thụ.

C. sinh vật phân giải.

D. tất cả 3 đáp án trên.

Câu 33: Một dãy các loài sinh vật có mối quan hệ với nhau về mặt dinh dưỡng, trong đó loài này ăn loài khác phía trước và là thức ăn của loài tiếp theo phía sau là

A. lưới thức ăn.

B. bậc dinh dưỡng.

C. chuỗi thức ăn.

D. mắt xích.

Câu 34: Trong chuỗi thức ăn: Cỏ → Hươu → Hổ, thì cỏ là

A. sinh vật sản xuất.

B. sinh vật ăn cỏ.

C. sinh vật tiêu thụ.

D. sinh vật phân giải.

Câu 35: Hệ sinh thái bao gồm các thành phần là

A. thành phần vô sinh và hữu sinh.

B. sinh vật sản xuất, sinh vật tiêu thụ.

C. thành phần vô cơ và hữu cơ.

D. sinh vật sản xuất, sinh vật phân giải.

Câu 36: Thành phần vô sinh của hệ sinh thái bao gồm những yếu tố nào sau đây?

A. Các chất vô cơ: Nước, khí cacbonic, khí oxi,..., các loài virut, vi khuẩn,...

B. Các chất mùn, bã, các loài rêu, địa y.

C. Các nhân tố khí hậu như: Nhiệt độ, ánh sáng, độ ẩm,..., các loại nấm, mốc.

D. Đất, đá, nước, khí cacbonic, khí oxi, mùn hữu cơ, nhiệt độ, ánh sáng, độ ẩm.

Câu 37: Sinh vật tiêu thụ bao gồm:

A. Vi khuẩn, nấm và động vật ăn cỏ.

B. Động vật ăn cỏ và động vật ăn thịt.

C. Động vật ăn thịt và cây xanh.

D. Vi khuẩn và cây xanh.

Câu 38: Sơ đồ chuỗi thức ăn nào sau đây đúng?

A. Điều hâu → Rắn → Cóc → Châu chấu → Lúa.

B. Lúa → Châu chấu → Cóc → Rắn → Điều hâu.

C. Châu chấu → Cóc → Rắn → Điều hâu → Lúa.

D. Cóc → Châu chấu → Lúa → Rắn → Điều hâu.

PHẦN II. CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG SAI

Câu 1: Khi nói về quần thể sinh vật, phát biểu nào sau đây đúng, phát biểu nào sai?

a) Quần thể sinh vật có khả năng sinh sản và tạo ra thế hệ mới.

b) Quần thể sinh vật là tập hợp các cá thể thuộc các loài khác nhau.

c) Quần thể sinh vật có khả năng thích nghi với môi trường sống.

d) Quần thể sinh vật chỉ bao gồm các cá thể trưởng thành.

Câu 2: Phát biểu nào sau đây là đúng hoặc sai khi nói về quần thể sinh vật?

a) Quần thể sinh vật luôn sống trong một không gian cố định.

b) Các cá thể trong cùng một quần thể không giao phối với nhau.

c) Số lượng cá thể trong quần thể là không đổi.

d) Quần thể sinh vật là đơn vị nhỏ nhất của hệ sinh thái.

Câu 3: Trong các phát biểu sau, phát biểu nào đúng, phát biểu nào sai?

a) Kích thước của quần thể sinh vật luôn tăng lên.

b) Kiểu phân bố của các cá thể trong quần thể luôn đồng đều.

c) Mỗi quần thể sinh vật có những đặc trưng riêng biệt.

d) Tỷ lệ giới tính là tỷ lệ giữa số lượng cá thể đực và cái trong quần thể.

Câu 4: Khi nói về quần xã sinh vật, phát biểu nào sau đây đúng, phát biểu nào sai?

a) Các sinh vật trong quần xã có nhiều mối quan hệ phức tạp như cạnh tranh, hỗ trợ, kí sinh,...

b) Quần xã sinh vật là tập hợp các cá thể cùng loài.

c) Quần xã sinh vật bao gồm cả thực vật và động vật.

d) Các sinh vật trong quần xã không có mối quan hệ với nhau.

Câu 5: Phát biểu nào sau đây là đúng hoặc sai khi nói về quần xã sinh vật?

a) Quần xã sinh vật luôn ổn định và không thay đổi.

b) Quần xã sinh vật có cấu trúc tương đối ổn định.

c) Con người không phải là một phần của quần xã sinh vật.

d) Quần xã sinh vật luôn thay đổi do nhiều yếu tố như biến đổi khí hậu, hoạt động của con người,...

Câu 6: Trong các phát biểu sau, phát biểu nào đúng, phát biểu nào sai?

a) Mỗi quần xã sinh vật đều có những đặc trưng giống nhau.

b) Độ đa dạng của quần xã chỉ phụ thuộc vào số lượng loài.

c) Độ đa dạng là một trong những đặc trưng cơ bản của quần xã.

d) Độ đa dạng của quần xã ảnh hưởng đến khả năng thích nghi của quần xã với môi trường.

Câu 7: Khi nói về hệ sinh thái, phát biểu nào sau đây đúng, phát biểu nào sai?

a) Hệ sinh thái bao gồm quần xã sinh vật và môi trường sống của chúng.

b) Các loài sinh vật trong hệ sinh thái không tương tác với nhau.

c) Bất kỳ sự tương tác nào giữa sinh vật và môi trường đều tạo thành một hệ sinh thái.

d) Môi trường sống không ảnh hưởng đến sinh vật trong hệ sinh thái.

Câu 8: Phát biểu nào sau đây là đúng hoặc sai khi nói về hệ sinh thái?

a) Hệ sinh thái nhân tạo không phải là hệ sinh thái thực sự.

b) Bảo vệ hệ sinh thái giúp bảo vệ môi trường sống của con người và đảm bảo sự cân bằng sinh thái.

c) Hệ sinh thái luôn ổn định và không thay đổi.

d) Con người là một phần của nhiều hệ sinh thái khác nhau.

Câu 9: Trong các phát biểu sau, phát biểu nào đúng, phát biểu nào sai?

a) Thực vật là ví dụ điển hình cho sinh vật tiêu thụ.

b) Nấm và vi khuẩn là những ví dụ điển hình cho sinh vật sản xuất.

c) Thành phần vô sinh của hệ sinh thái bao gồm các yếu tố như ánh sáng, nhiệt độ, nước.

d) Sinh vật sản xuất là những sinh vật có khả năng tự tổng hợp chất hữu cơ từ chất vô cơ.

Câu 10: Phát biểu nào sau đây là đúng hoặc sai khi nói về hệ sinh thái?

a) Sinh vật phân giải có vai trò quan trọng trong việc tái chế chất dinh dưỡng cho hệ sinh thái.

b) Động vật ăn thịt là một dạng sinh vật tiêu thụ.

c) Tất cả các sinh vật trong hệ sinh thái đều có khả năng tự tổng hợp chất hữu cơ.

d) Thành phần vô sinh không ảnh hưởng đến sự sống của sinh vật trong hệ sinh thái.

PHẦN III. TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1: Hệ sinh thái là gì? Các hệ sinh thái được chia thành các nhóm nào?

Câu 2: Hãy trình bày về các thành phần hữu sinh.

Câu 3: Tại sao cần phải bảo vệ hệ sinh thái rừng và làm thế nào để bảo vệ hệ sinh thái rừng?

Câu 4: Tại sao bảo vệ môi trường sống của quần thể chính là bảo vệ quần thể? Cho ví dụ về việc bảo vệ môi trường sống của quần thể.

Câu 5: Quần thể sinh vật là gì? Quần thể có những đặc trưng cơ bản nào?

Câu 6: Em hãy tính mật độ cá thể của mỗi quần thể trong bảng dữ liệu sau đây

Quần thể	Số lượng cá thể	Không gian phân bố
Lim xanh	10.000	20 ha
Bắp cải	2.400	600 m ²
Cá chép	30.0000	10.000 m ³

Câu 7: Quần xã sinh vật là gì? Hãy trình bày đặc trưng của quần xã.

Câu 8: Vì sao loài ưu thế đóng vai trò quan trọng trong quần xã?

Câu 9: Cho các loài sinh vật: Hải cẩu, xương rồng, bần, cáo tuyết, bò cạp, đước
Em hãy xác định các loài đặc trưng tương ứng với các quần xã sinh vật : bắc cực, sa mạc, rừng ngập mặn.

TỔ TRƯỞNG

**BGH XÁC NHẬN
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Đỗ Thị Hợp

Tạ Thúy Hà